



# LUẬN BÀN VỀ DANH HIỆU DI SẢN VĂN HÓA VÀ THIÊN NHIÊN THẾ GIỚI CỦA UNESCO

PGS. TS. ĐẶNG VĂN BÀI\*

*1. Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới có phải là danh hiệu cao quý?*

Trước khi luận bàn sâu về bản chất của danh hiệu cao quý này, chúng ta cần đề cập tới khái niệm di sản văn hóa ở cả hai cấp độ: quốc gia và quốc tế.

Thông thường ta vẫn hiểu, di sản là thứ tài sản được truyền lại hay được kế thừa từ quá khứ/từ các thế hệ tiền bối. Nhưng một khi có kèm theo hai chữ văn hóa, thì ít nhất đó phải là thứ tài sản có giá trị cả về vật chất lẫn tinh thần. Ông Federico, nguyên Tổng Giám đốc UNESCO đã có một quan niệm rất minh triết về văn hóa: “Văn hóa phản ánh và thể hiện một cách tổng quát và sống động mọi mặt của cuộc sống (của môi trường cá nhân và cộng đồng) đã diễn ra trong quá khứ cũng như đang diễn ra trong hiện tại, qua bao thế kỷ, nó phản ánh một hệ thống của giá trị truyền thống, thẩm mỹ và lối sống, mà dựa trên cơ sở đó, từng dân tộc tự khẳng định bản sắc riêng của mình”. Như thế có nghĩa là, với tư cách là những vật phẩm/sản phẩm văn hóa - biểu hiện cụ thể nhất, để nhận biết về bản sắc văn hóa dân tộc, di sản văn hóa tất yếu cũng phải hàm chứa một hệ thống các giá trị văn hóa. Các giá trị phổ quát cho mọi nền văn hóa là chân - thiện - mỹ, tức là cái đúng, cái đẹp, cái tốt, cái có ích cho mọi người. Và, “giá trị là quan niệm về cái có ý nghĩa, được cộng đồng lựa chọn, cùng chia sẻ và tôn vinh. Đối với mỗi thành viên

trong nhóm, giá trị là cái đáng ước ao, cần phải ao ước và khi đạt được sẽ bùng nổ sự thăng hoa tinh thần”<sup>1</sup>. Đó cũng là lý do giải thích vì sao ngay tại Điều 1, *Luật di sản văn hóa*, nhà nước ta đã khẳng định: “Di sản văn hóa là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Như vậy, không phải tất cả các sản phẩm văn hóa đều trở thành di sản văn hóa, mà chỉ những sản phẩm văn hóa hàm chứa những mặt giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa và khoa học đã được tích lũy, trưng cất/tinh lọc qua nhiều thế hệ trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc mới xứng đáng được tôn vinh là di sản văn hóa và do đó, thế hệ chúng ta, đến lượt mình lại một lần nữa thực hiện chức năng thẩm định, lựa chọn xếp hạng để bảo tồn những gì thực sự có ích và cần thiết cho hôm nay và cả tương lai. Cái gì không có ích sẽ không được bảo tồn, ngược lại cái có giá trị/có ích mà ta không biết bảo tồn để cho nó bị hư hại, xuống cấp thì tài sản quý báu do cha ông để lại (báu vật của quốc gia) sẽ bị hao mòn, suy giảm và trở nên nghèo nàn, hoang vắng. Một quốc gia đã đánh mất niềm tự hào tinh thần thì chắc chắn sẽ không thể hội nhập và phát triển được trong thời đại hôm nay. Đó cũng là cơ sở để chúng ta phải lựa chọn xếp hạng hàng ngàn di tích lịch sử - văn hóa ở các cấp độ: tỉnh/thành phố, quốc gia và

\* Phó Chủ tịch Hội Di sản văn hóa Việt Nam



quốc gia đặc biệt.

Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xếp hạng nhiều di tích quốc gia đặc biệt. Nhưng đó có thể chỉ là sự suy tôn chủ quan của chúng ta với di sản của cha ông và coi đó là những di sản đại diện - cái thể hiện rõ nhất bản sắc văn hóa Việt Nam. Nhưng nếu trở thành di sản thế giới, tức là di sản văn hóa Việt Nam được tôn vinh ở tầm cao mới, thì sẽ được sự thừa nhận của quốc tế và được bảo hộ bởi các Công ước quốc tế.

Công ước quốc tế là văn bản ghi rõ những việc cần tuân thủ và những điều cấm thực hành, liên quan đến một lĩnh vực nào đó, do một nhóm quốc gia và vùng lãnh thổ cùng thỏa thuận và cam kết thực hiện, nhằm tạo ra tiếng nói chung, sự thống nhất về hành động và sự hợp tác trong các nước thành viên. Tương tự như thế, *Công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới* (di sản thế giới), ký tại Paris ngày 16/11/1972 (Công ước năm 1972), là một thỏa ước quốc tế, trong đó các quốc gia cam kết cùng nhau bảo vệ trường tồn di sản của thế giới. Các quốc gia thành viên/tham gia Công ước, thừa nhận mình có trách nhiệm chính trong việc xác định, bảo vệ, bảo tồn và chuyển giao các di sản của đất nước cho các thế hệ tương lai. Đây là công cụ pháp lý quốc tế duy nhất, vừa ràng buộc, vừa khuyến khích các quốc gia thành viên hợp tác, nhằm bảo vệ di sản của chính họ. Trong *Công ước năm 1972* ghi rõ:

- “Mỗi quốc gia thành viên Công ước công nhận rằng, trách nhiệm xác định, bảo vệ, bảo toàn, tôn tạo và chuyển giao cho thế hệ tương lai các di sản văn hóa và thiên nhiên... có trên lãnh thổ của mình là nhiệm vụ hàng đầu của quốc gia”.

- “... Các quốc gia thành viên Công ước công nhận rằng, đối với những di sản được ghi danh trong Danh mục di sản thế giới, toàn thể cộng đồng quốc tế có trách nhiệm hợp tác bảo vệ”.

Rõ ràng là, *Công ước năm 1972* có tác dụng gắn kết cộng đồng các quốc gia, dân tộc trên phạm vi toàn thế giới. Trên cơ sở sự đồng thuận và cam kết cùng hành động vì mục tiêu cao cả mang tính nhân văn sâu sắc, các quốc gia thành viên sẽ tìm được giá trị văn hóa

chung của nhân loại, hình thành thái độ khoan dung văn hóa, chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt văn hóa để cùng nhau chung sống hòa bình với lòng nhân ái, vị tha.

Giáo sư Cao Huy Thuần đã mượn lời học giả nổi tiếng người Pháp là Levi - Strauss để nói về nhu cầu chung sống hòa bình và giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam: “Văn minh bao hàm sự sống chung giữa các nền văn hóa phô bày ra với nhau đến mức tối đa những dị biệt của mình”<sup>2</sup>. Đồng thời, giáo sư cũng nhấn mạnh vai trò của bản sắc văn hóa: “Kỹ thuật có thể kết nối thế giới, nối vòng tay lớn với cả nhân loại, nhưng văn hóa là miếng đất tự nhiên, trên đó không thể không có đối chọi. Văn hóa là đối chọi, vì đó là nơi hun đúc ra bản sắc. Và, không thể có bản sắc nếu không có một va chạm tối thiểu với một văn hóa khác. Dù nói gì đi nữa, đã nói văn hóa thì bao giờ cũng có một chúng ta chống lại chúng nó, giống như thông thường người ta định nghĩa tôi bằng cách phân biệt với một cái không phải là tôi”<sup>3</sup>. Nhận diện được bản sắc văn hóa có ý nghĩa to lớn, nhưng có được sự thừa nhận của cộng đồng quốc tế về bản sắc văn hóa Việt Nam còn quan trọng hơn nhiều. Từ đó có thể thấy, di sản văn hóa là sự thể hiện cụ thể nhất, để nhận biết về bản sắc văn hóa dân tộc. Và, có thể coi di sản văn hóa là “nhịp cầu hữu nghị” gắn kết Việt Nam với nhân loại. Đó là sự góp mặt của Việt Nam trong kho tàng di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới.

Nhiều lúc tôi tự hỏi, không biết vì sao vẫn còn những ý kiến trái chiều e ngại, thậm chí không thích Việt Nam có nhiều di sản thế giới. Thay vì tự hào, vui mừng, họ lại quan niệm đó là “hội chứng di sản thế giới”, là “xu hướng chạy theo danh hiệu” hoặc đó sự lãng phí tiền bạc trong việc xây dựng hồ sơ khoa học đề cử di sản thế giới. Hiện tại, Việt Nam mới được UNESCO công nhận 7 di sản thế giới (2 di sản thiên nhiên và 5 di sản văn hóa), 10 di sản văn hóa phi vật thể và ký ức. Đó là một con số tương đối khiêm tốn so với nhiều quốc gia thành viên khác trên thế giới.

Không phải ngẫu nhiên, mà nhiều quốc gia đều coi di sản thế giới là một trong những danh hiệu cao quý nhất trên thế giới. Vì, muốn được vinh danh là di sản thế giới, di sản đề cử từ các quốc gia thành viên phải trải qua một quá trình

tuyển chọn khoa học nghiêm túc bởi các hội đồng có uy tín của quốc gia và quốc tế. Trường hợp của Việt Nam, hồ sơ khoa học đề cử di sản, trước hết phải được chuẩn bị bởi một cơ quan nghiên cứu của một ngành khoa học có liên quan. Sau đó, hồ sơ đề cử di sản phải được thẩm định bởi Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia - tổ chức tư vấn về di sản văn hóa quốc gia (do Thủ tướng Chính phủ ký quyết định thành lập), gồm các chuyên gia hàng đầu của Việt Nam thuộc các lĩnh vực khoa học có liên quan tới di sản văn hóa.

Ở cấp độ quốc tế, UNESCO đã thành lập Ủy ban Di sản thế giới, mà trợ giúp cho Ủy ban này là tập thể các nhà khoa học nổi tiếng, đến từ nhiều quốc gia khác nhau, hoạt động trong khuôn khổ ICOM, ICOMOS, IUCN cũng như nhiều tổ chức chuyên môn có uy tín khác của UNESCO để thẩm định giá trị nổi bật toàn cầu và chất lượng hồ sơ khoa học về di sản đề cử của quốc gia thành viên có đáp ứng 10 tiêu chí di sản thế giới hay không (6 tiêu chí về di sản văn hóa và 4 tiêu chí về di sản thiên nhiên). Cho nên, sự thừa nhận và vinh danh di sản thế giới là niềm tự hào và vinh dự lớn lao đối với các quốc gia thành viên. Được lọt vào Danh mục di sản thế giới cũng đồng nghĩa với việc quốc gia thành viên có di sản đạt những giá trị nổi bật toàn cầu, đóng góp vào kho tàng di sản văn hóa của nhân loại - tạo nên nét đa dạng văn hóa của thế giới, cũng tức là tạo lập uy tín thương hiệu và hình ảnh tốt đẹp về đất nước trong con mắt của bạn bè quốc tế.

UNESCO trao danh hiệu cao quý - Di sản thế giới cho quốc gia thành viên với 2 điều kiện:

- Lựa chọn di sản đáp ứng được ít nhất một trong mười tiêu chí di sản thế giới.

- Hồ sơ di sản do các quốc gia thành viên đề cử phản ánh được những mặt giá trị nổi bật toàn cầu qua thẩm định của tổ chức quốc tế có uy tín là Ủy ban Di sản thế giới.

Tính chất cao quý của danh hiệu di sản thế giới là ở chỗ, các quốc gia có di sản đạt chuẩn quốc tế/có sự thừa nhận của toàn thế giới. Có được nhiều sản phẩm ở nhiều lĩnh vực đời sống xã hội khác nhau đạt chuẩn quốc tế, là ước mơ và khát vọng của tất cả các nước trên thế giới. Bởi vì thương hiệu và ISO quốc tế cũng là cái làm nên thứ bậc quốc gia trước

nhân loại.

2. *Danh hiệu cao quý bao giờ cũng đòi hỏi những trách nhiệm nặng nề từ phía các quốc gia thành viên có di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới*

Với quan niệm, “di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới thuộc nhóm những di sản vô giá và không thể thay thế được, không chỉ của một dân tộc, mà còn là của nhân loại nói chung. Bất kỳ di sản nào trong số đó nếu bị biến mất, do xuống cấp hoặc thất thoát, cũng sẽ làm nghèo đi kho tàng di sản của tất cả các dân tộc trên thế giới” (lời tuyên bố trong *Công ước năm 1972*), UNESCO đã xác định rất rõ trách nhiệm nặng nề của các quốc gia thành viên: “Mỗi quốc gia tham gia Công ước này công nhận bổn phận đảm bảo việc xác định, bảo vệ, bảo tồn, phục hồi và chuyển giao cho các thế hệ mai sau di sản văn hóa và thiên nhiên như đã xác định trong Điều 1 và Điều 2 và tọa lạc trong lãnh thổ của mình, trước hết là thuộc về quốc gia đó. Họ sẽ nỗ lực đem hết sức mình vận dụng tối đa các tiềm năng có trong tay để thực thi nhiệm vụ này và, nếu thích đáng, sẽ nhận được sự hỗ trợ và hợp tác quốc tế, đặc biệt là về tài chính, nghệ thuật, khoa học và kỹ thuật” (Điều 4, *Công ước năm 1972*).

Trong hồ sơ khoa học đề cử di sản thế giới, Thủ tướng Chính phủ quốc gia thành viên phải cam kết thực thi những biện pháp hữu hiệu và tích cực để bảo tồn tính toàn vẹn, nguyên gốc và tính chân xác lịch sử cũng như phát huy giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới. Đó là lời hứa danh dự và cũng là thứ công cụ pháp lý cả ở cấp độ quốc gia lẫn quốc tế, đảm bảo sự trường tồn của di sản và khả năng làm cho di sản có vai trò và chức năng trong đời sống cộng đồng.

Trước hết, các quốc gia thành viên phải gửi kèm theo hồ sơ khoa học đề cử di sản thế giới bản kế hoạch quản lý di sản. Trong văn bản có tính cam kết của quốc gia thành viên, phải xác định rõ những nhân tố có nguy cơ tác động tiêu cực tới tính toàn vẹn và chân xác lịch sử của di sản đề cử. Đồng thời, quốc gia thành viên còn phải chỉ rõ những chính sách, các giải pháp thích hợp và hiệu quả thông qua một chương trình hoạt động cụ thể và chi tiết, nhằm “đối phó với những hiểm họa đe dọa di sản văn hóa và



Cảnh đẹp Hạ Long - Ảnh: Tư liệu

thiên nhiên trên đất nước của mình”. Kèm theo đó là “những biện pháp thích hợp về luật pháp, khoa học, kỹ thuật, hành chính và tài chính cần thiết cho việc xác định, bảo vệ, bảo tồn, giới thiệu và phục hồi di sản” (khoản c và e, Điều 5, *Công ước năm 1972*). Kế hoạch quản lý di sản thế giới của quốc gia thành viên phải được cập nhật hóa phù hợp với tình hình, diễn biến cụ thể tại vùng lõi và vùng đệm của di sản thế giới định kỳ 5 năm một lần. Có thể coi đây là cơ chế ràng buộc - từ *Công ước năm 1972* về trách nhiệm quốc tế của các quốc gia thành viên.

UNESCO rất coi trọng vấn đề nhất thể hóa việc quản lý di sản thế giới. Đó là vấn đề liên quan tới nguồn nhân lực và bộ máy tổ chức nhân sự quản lý di sản theo tinh thần *Công ước năm 1972* là, “Thiết lập, nếu chưa có, trên lãnh thổ của mình một hoặc nhiều tổ chức có trách nhiệm bảo vệ, bảo tồn và giới thiệu di sản văn hóa và thiên nhiên với một đội ngũ nhân sự có đủ phương tiện để hoàn thành chức năng”. Theo kinh nghiệm thực tiễn của Việt Nam gần 20 năm qua, các “Ban Quản lý Di sản thế giới” ở địa phương có tính độc lập tương đối với các

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và có bộ máy tổ chức đa chức năng, thực hiện nhiệm vụ quản lý di sản, đồng thời lại hoạt động với tư cách là đơn vị sự nghiệp có thu. Cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý ở 7 di sản thế giới chưa hoàn toàn giống nhau, nhưng cơ chế hoạt động thì tương đối thống nhất theo tinh thần của *Luật di sản văn hóa*. Nhờ thế chúng ta đã có được những kết quả cụ thể: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản phục vụ nhu cầu của xã hội, đặc biệt là thúc đẩy phát triển du lịch.

UNESCO có cơ chế riêng giám sát việc thực thi trách nhiệm của các quốc gia thành viên trong việc bảo tồn và phát huy giá trị nổi bật toàn cầu của di sản. Bằng hai kênh giám sát chính thức và không chính thức, UNESCO muốn biết các quốc gia có nghiêm chỉnh thực hiện các cam kết đã nêu trong hồ sơ đề cử di sản thế giới hay không? Đặc biệt là triển khai các chương trình hành động đã được xác lập trong kế hoạch quản lý di sản, có nhân tố nào đang tác động tiêu cực tới sự toàn vẹn của di sản thế giới mà quốc gia thành viên chưa có phản ứng kịp thời hay không? Mục tiêu đặt ra

là, phải tạo lập được sự cân bằng động giữa bảo tồn di sản thế giới và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương có di sản. Thông thường, các cấp chính quyền địa phương quan tâm nhiều hơn tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà ít tuân thủ nguyên tắc phát triển bền vững là: Tăng trưởng kinh tế phải gắn với việc bảo vệ môi trường thiên nhiên và di sản văn hóa. Bảo tồn di sản văn hóa phải phục vụ phát triển, cũng tức là tạo những điều kiện pháp lý, khoa học, kỹ thuật, hành chính và tài chính để di sản văn hóa chẳng những được bảo tồn lâu dài mà còn có được vị trí trong đời sống xã hội. Bảo tồn di sản văn hóa gắn với du lịch phải góp phần mang lại lợi ích vật chất và tinh thần cho cộng đồng cư dân địa phương.

UNESCO yêu cầu địa phương có di sản thế giới hai năm một lần phải có báo cáo về tình trạng bảo tồn di sản cũng như kết quả của việc thực hiện những khuyến nghị của Ủy ban Di sản thế giới (Ủy ban Liên Chính phủ của UNESCO). Theo thông tin mà chúng tôi nắm được, thì liên tục các kỳ họp 29, 31, 33 và 35 UNESCO đều yêu cầu Ban Quản lý Vịnh Hạ Long phải báo cáo giải trình đánh giá tác động môi trường ở khu di sản này. Và, chắc chắn ở kỳ họp 37 này, chúng ta phải trả lời minh bạch rằng, các dự án mở rộng Cảng Cái Lân giai đoạn II, việc vận hành Nhà máy Xi măng Cẩm Phả, dự án đổ đất lấn biển ven vùng vịnh và dự án nuôi trồng hải sản trên biển... có gây ô nhiễm môi trường nước biển hay không? Quan điểm của UNESCO là rất rõ ràng: "Hễ nước nào tự đặt cho mình mục tiêu phát triển kinh tế mà tách khỏi môi trường văn hóa, thì sẽ xảy ra mất cân đối nghiêm trọng cả về kinh tế lẫn văn hóa và tiềm năng sáng tạo của nước ấy sẽ bị suy yếu rất nhiều. Bởi vậy, mục tiêu quan trọng hàng đầu đặt ra là, yêu cầu phát triển đô thị và công nghiệp tại thành phố Hạ Long nhất thiết

phải hài hòa với mục tiêu bảo tồn và phát huy giá trị thẩm mỹ, vẻ đẹp thiên nhiên kỳ thú và giá trị khoa học về địa chất, địa mạo của vịnh Hạ Long. Hay với trường hợp xây dựng đường giao thông ở thành phố Huế, chạy qua khu vực lăng Khải Định và dự án xây cầu qua sông Hương cũng đang được UNESCO quan tâm, đưa ra khuyến nghị yêu cầu phải trả lời.

Trên thế giới đã xảy ra những trường hợp đáng tiếc là do quốc gia thành viên không đáp ứng đầy đủ yêu cầu trong khuyến nghị của UNESCO mà di sản của quốc gia đó đã bị loại ra khỏi danh sách di sản thế giới (trường hợp xây dựng cây cầu chạy qua thung lũng sông Enber của Đức cũng là bài học đắt giá).

Rõ ràng vinh dự luôn kèm theo trách nhiệm quốc gia. Nhưng đó là trách nhiệm mang lại vinh quang và niềm tự hào dân tộc rất lớn lao. Vì thế, chúng ta phải thận trọng cân nhắc toàn diện trước khi lựa chọn để UNESCO xem xét công nhận bất cứ một di sản nào của Việt Nam vào Danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới.

Để kết thúc bài viết, tôi xin dẫn ra đây lời nhắc nhở rất hữu ích của bà Katherine Muller Marin, Trưởng Văn phòng Đại diện UNESCO tại Việt Nam: "Việc đề cử để công nhận một di sản cấp quốc gia trở thành di sản văn hóa thế giới đã khó, nhưng giữ gìn, phát huy giá trị di sản đó sau khi được công nhận còn khó hơn nhiều, vì Ủy ban Di sản thế giới luôn giám sát chặt chẽ, nếu di sản không được bảo tồn tốt thì rất có thể sẽ bị loại bỏ"./.

D.V.B

**Chú thích:**

1- Ngô Đức Thịnh (chủ biên) (2010), *Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, Tr. 57.

2, 3- Theo [www.tuanvietnam.net](http://www.tuanvietnam.net) - [www.vietnamweek.net](http://www.vietnamweek.net) bài "Nhà nước mạnh khi biết cư xử với xã hội như người lớn" của tác giả Thu Hà phỏng vấn GS. Cao Huy Thuần, cập nhật ngày 24/10/2011.

**Đăng Văn Bài: Some Discussions on the Titles of International Cultural and Natural Heritage of UNESCO**

The author exchanges his ideas about the meanings of these titles, and agrees that they are honour ones to creat the image and trademark of a nation in the world. These honour titles always go with heavy responsibilities to member states to keep and restore the comprehensiveness and promotion of the values of these international cultural and natural heritage elements.